TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2023/DSST
Ngày 18-8-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Trần Thị Xuân Uyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST–DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST–DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: chị **Vũ Thị H** – sinh năm 1978

Địa chỉ: 144, Bùi Thị Xuân, khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn**: chị **Lê Thị Thúy H** – sinh năm 1983

Địa chỉ: 136, Bùi Thị Xuân, khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, chị Vũ Thị H trình bày:***

Vào ngày 04/3/2021 chị có cho chị H vay 50.000.000đ thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, đóng lãi 1 tháng 500.000đ đã đóng 24 tháng là 12.000.000đ; Ngày 17/3/2021 chị cho chị H vay 90.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng đóng lãi 1 tháng đóng 1.550.000đ đóng 24 tháng là 37.200.000đ; Ngày 24/6/2021 chị cho chị H vay 50.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, đóng lãi 1 tháng

1.000.000đ đóng được 21 tháng là 21.000.000đ; Ngày 07/12/2022 chị tiếp tục cho chị H vay 40.000.000đ thỏa thuận lãi suất 2%/tháng đóng lãi 800.000đ/tháng đóng được 03 tháng là 2.400.000đ. Như vậy tổng cộng chị H cho chị H vay số tiền vốn gốc là 230.000.000đ và chị H đã đóng lãi cho chị H là 72.600.000đ và chị H cam kết khi nào chị H cần lấy lại tiền thì chị H sẽ trả và chị H có đến nhà đòi nhiều lần nhưng chị H không trả.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Thúy H trả cho tôi số tiền vốn gốc là 230.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị Thúy H trình bày*:**

Chị H thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian vay tiền, lãi suất, và chị H thừa nhận hiện nay còn nợ chị H số tiền vốn gốc là 230.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị H xin trả dần số tiền gốc và lãi hàng tháng từ 500.000đ đến 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Vũ Thị Hg và chị Lê Thị Thúy H là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện T H.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy khi vay từng lần các bên đều làm biên nhận trong đó thể hiện chị H còn nợ chị H số tiền vốn gốc là 230.000.000đ, ngoài ra chị H thừa nhận là chữ ký trong 04 biên nhận là chữ ký của chị H đồng thời chị H cũng thừa nhận hiện còn nợ chị H số tiền vốn gốc là 230.000.000đ và các bên không thỏa thuận thời hạn trả. Xét thấy theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự có quy định: " Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng bên cho vay phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản.....". Do đó chị H yêu cầu chì H trả cho chị H số tiền vốn gốc là 230.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của chị H xin trả dần mỗi tháng từ 500.000đ đến 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ nhưng chị H không đồng ý do đó yêu cầu của chị H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về lãi suất:* chị H yêu cầu chị H trả lãi suất theo quy định pháp luật

Xét biên nhận ngày 04/3/2021 chị H cho chị H vay 50.000.000đ thỏa thuận lãi

suất 1%/tháng, đóng lãi 1 tháng 500.000đ đã đóng 24 tháng là 12.000.000đ. Nay chị H yêu cầu chị H trả tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 05/3/2023 đến 18/8/2023 là 5 tháng 13 ngày với số tiền là 2.716.658đ. Xét thấy theo khoản 1 Điều 468 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay……". Như vậy việc chị H và chị H thỏa thuận lãi suất 1%/tháng và chị H yêu cầu chị H trả số tiền lãi là 2.716.658đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét biên nhận ngày 17/3/2021 chị cho chị H vay 90.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng đóng lãi 1 tháng đóng 1.550.000đ đóng 24 tháng là 37.200.000đ. Nay chị H yêu cầu chị H trả tiền lãi tính từ ngày 17/3/2021 đến ngày 18/8/2023 theo mức lãi suất là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi chị H đã đóng vượt quá quy định pháp luật. Xét thấy theo khoản 1 Điều 468 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay……". Như vậy việc chị H và chị H thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng là vượt quá quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu tính lãi là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định mà chị H đã đóng và chị H yêu cầu chị H trả số tiền lãi là 6.175.800đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét biên nhận Ngày 24/6/2021 chị H cho chị H vay 50.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, đóng lãi 1 tháng 1.000.000đ đóng được 21 tháng là 21.000.000đ. Nay chị H yêu cầu chị H trả tiền lãi tính từ ngày 24/6/2021 đến ngày 18/8/2023 theo mức lãi suất là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi chị H đã đóng. Xét thấy theo khoản 1 Điều 468 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay……". Như vậy việc chị H và chị H thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu tính lãi là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà chị H đã đóng và chị H yêu cầu chị H trả số tiền lãi là 413.999đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét biên nhận ngày 07/12/2022 chị H cho chị H vay 40.000.000đ thỏa thuận lãi suất 2%/tháng đóng lãi 800.000đ/tháng đóng được 03 tháng là 2.400.000đ. Nay chị H yêu cầu chị H trả tiền lãi tính từ ngày 07/12/2022 đến ngày 18/8/2023 theo mức lãi suất là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi chị H đã đóng. Xét thấy theo khoản 1 Điều 468 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay……". Như vậy việc chị H và chị H thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H chỉ yêu cầu tính lãi là 1.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà chị H đã đóng và chị H yêu cầu chị H trả số tiền lãi là 3.155.466đ là phù hợp với quy định pháp luật.

Như vậy tổng cộng số tiền lãi mà chị H còn phải trả cho chị H sau khi khấu trừ là 12.461.923đ.

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay,

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/016UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Vũ Thị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí.

Buộc chị Lê Thị Thúy H phải nộp án phí là 242.461.923đ x 5% = 12.123.096đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với chị Lê Thị Thúy H.

2. Buộc Lê Thị Thúy H phải trả cho chị Vũ Thị Hương số tiền gốc và lãi là 242.461.923đ (trong đó nợ gốc là 230.000.000đ và lãi là 12.461.923đ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Buộc chị Lê Thị Thúy H phải nộp án phí là 242.461.923đ x 5% = 12.123.096đ

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Vũ Thị H số tiền là 5.750.000đ *(Năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000345 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T H;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *Chi cục THADS huyện T H;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Lê Minh Đạo